TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 546/2017/HS-PT
Ngày 11 tháng 10 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba;

Ông Phan Đức Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 261/2017/HSPT ngày 29/5/2017 đối với bị cáo Lê Quốc T và bị cáo Lê Văn H do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 44/2017/HSST ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo*:*

1. Lê Quốc T, sinh năm 1967, tại Đồng Tháp; nơi ĐKHKTT: Ấp TP, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Lê Quốc L (đã chết) và bà Nguyễn Thị S (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1973 và có 01 người con sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 13/6/2016, *(có mặt).*

2. Lê Văn H (Ba Mách), sinh năm 1953, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKHKTT: Số 24/30 NVC, phường C K, Q1, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Khóm CT, phường CPA, thành phố CĐ, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Chăm; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Thủ quỹ; con ông Danh Mu S1 (đã chết) và bà Lê Thị Đ (chết); có vợ là La Thị N, sinh năm 1955 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1977, con nhỏ nhất sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, *(có mặt).*

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn H: Ông Võ Văn M, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, *(có mặt).*

- Người liên quan: Bà Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp TP, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang, *(có mặt).*

(Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại bà Nguyễn Thị T1 nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa không triệu tập).

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2013, Lê Quốc T và Nguyễn Thị T1 hợp tác mua kẽm trong nước, xuất bán sang Campuchia, lãi hoặc lỗ chia đôi. Theo thỏa thuận, T1 đầu tư tiền vốn, T phụ trách mua, vận chuyển, tiêu thụ và tiền khách hàng giao lại cho T. Do không thành lập cơ sở kinh doanh, nên Triệu nhờ La Văn Q (anh em bạn rể của T) giới thiệu Nguyễn Văn Y là Giám đốc doanh nghiệp tư nhân "KT" (DNTN KT), địa chỉ: Ấp ĐK, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang làm đại diện mua, nhận kẽm trong nước, lập hồ sơ, thủ tục xuất bán sang Campuchia, thanh toán tiền hoàn thuế giá trị gia tăng, DNTN KT được hưởng 20% giá trị tiền hoàn thuế, còn lại T1 và T hưởng chia nhau. Sau khi đồng ý hợp tác, Y giao cho Lê Văn H làm thủ quỹ, chịu trách nhiệm nhận tiền từ T, chuyển qua tài khoản của doanh nghiệp mở tại chi nhánh ngân hàng Sacombank thành phố CĐ, tỉnh An Giang để thanh toán tiền mua kẽm do T đặt mua các cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Giai đoạn đầu, việc mua bán bình thường, có lãi, được hưởng thanh toán tiền hoàn thuế giá trị gia tăng. Đến gần cuối năm 2013 do T đánh bạc thua khoảng 300.000.000 đồng nên có ý định chiếm đoạt tiền vốn mua kẽm của T. Để thực hiện T điện thoại nói dối T là có khách hàng Campuchia đặt mua kẽm, thông báo giá, số lượng để T giao tiền cho H đem đến Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín chi nhánh An Giang (tại CĐ) để chuyển khoản thanh toán tiền mua kẽm, rồi Triệu gặp H kêu đưa lại số tiền của T để T dùng đánh bạc, H đồng ý, cụ thể:

Lần 1: Ngày 25/10/2013 T nói dối và kêu T1 giao lại H 147.000.000 đồng để thanh toán mua 10 tấn kẽm rồi T đến nhà gặp H lấy số tiền trên, T cho H 1.000.000 đồng.

Lần 2: Sau đó khoảng 1 -3 ngày, T kêu T giao cho H 294.000.000 đồng để mua 20 tấn kẽm rồi T hẹn H đến quán cà phê gần cầu sắt (ấp ĐK, xã QT, huyện AP) T lấy lại tiền và cho H 1.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 30/10/2013 T kêu T1 giao H 294.000.000 đồng để mua 20 tấn kẽm rồi T hẹn H đến quán cà phê gần cầu sắt, T lấy lại tiền và cho H 1.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 09/11/2013, T kêu T1 giao H 292.000.000 đồng để mua 20 tấn kẽm rồi Triệu hẹn H đến quán cà phê gần Phòng khám Đa khoa khu vực ĐK, xã QT, T lấy lại tiền và cho H 1.000.000 đồng.

Tổng số tiền T nhờ H giúp sức, lừa dối, chiếm đoạt của T1 là 1.027.000.000 đồng, T mang đến khu vực ấp TK, thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang và sang Campuchia đánh bạc, tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2017/HSST ngày 18/4/2017, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Quốc T, Lê Văn H (Ba Mách) phạm tội " *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* ".

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Bị cáo Lê Quốc T 10 (mười) năm tù, thời hạn từ tính từ ngày 13/6/2016;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 và Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán và Công văn số 276 ngày 13/9/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H (Ba Mách) 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/4/2017, bị cáo Lê Quốc T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Mức án mà cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là quá nặng. Bị cáo đã cố gắng khắc phục hậu quả, bản thân bị cáo là bộ đội xuất ngũ, bị cáo là thân nhân gia đình liệt sĩ.

Ngày 24/04/2017, bị cáo Lê Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo với lý do: Mức án mà cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là quá nặng. Bị cáo hoàn toàn không hiểu biết gì, bị cáo là người dân tộc. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, vợ bị cáo bị bệnh nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo T và H giữ nguyên kháng cáo.

Bị cáo T trình bày thêm lý do xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp thêm 5000.000 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang để khắc phục hậu quả cho bị cáo theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Phương D là vợ của bị cáo T có giao nộp Biên lai thu tiền số 0002603 ngày 06/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bị cáo H trình bày thêm lý do xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có cậu ruột Lê Quang C là người có công với cách mạng và có giao nộp tài liệu thể hiện ông Lê Quang C (tức Lê C) được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba và Huân chương bảo vệ tổ quốc hạng Ba.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, đã phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lê Quốc T 10 (mười) năm tù và Lê Văn H (Ba Mách) 04 (bốn) năm tù về tội " *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* " là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, phù hợp với từng bị cáo và đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không đưa ra được tình tiết đặc biệt nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định về tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T và bị cáo H.

Luật sư Võ Văn M bào chữa cho bị cáo Lê Văn H: Thống nhất với Cáo trạng và không tranh luận về tội danh. Tuy nhiên, việc bị cáo H chuyển tiền cho bị cáo T chiếm đoạt là do bị cáo tin tưởng vào bị cáo T. Bị cáo T cho bị cáo H 03 triệu đồng nhưng bị cáo H không biết số tiền này nằm trong số tiền bị cáo T chiếm đoạt của người bị hại. Như vậy là bị cáo H không có ý thức chiếm đoạt, bị cáo đã báo cho người bị hại biết trước khi khởi tố vụ án, nên vai trò của bị cáo là rất mờ nhạt. Do đó, mức án 04 năm tù đối với bị cáo H là quá nghiêm khác. Hơn nữa, bị cáo H còn có các tình tiết giảm nhẹ chưa được xem xét, bị cáo là người dân tộc Chăm và có cậu ruột là người có công với cách mạng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, giảm án cho bị cáo xuống 03 năm tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư và các bị cáo.

XÉT THẤY:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Quốc T và Lê Văn H nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm như sau:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Do đánh bạc bị thua, bị cáo T nhiều lần nói dối Nguyễn Thị T1 đưa tiền cho H để mua kẽm trong nước xuất bán. Sau đó, T gặp H kêu H đưa tiền lại cho T chiếm đoạt 04 lần với tổng số tiền 1.027.000.000 đồng và T đã dùng số tiền này để đánh bạc và tiêu xài cá nhân. Trong 04 lần H đưa tiền lại cho T thì có 02 lần H biết được ý định của T lấy tiền của người bị hại dùng vào việc đánh bạc, nhưng H vẫn giúp sức cho T chiếm đoạt số tiền 586.000.000 đồng và H đã được hưởng lợi 3000.000 đồng do T đưa lại. Do đó, Tòa án cấp sơ

thẩm đã quy kết các bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Mức án mà cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo T và bị cáo H là phù hợp với từng bị cáo.

[4] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đúng tính chất, mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo; đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Trong đó, mặc dù gia đình bị cáo T mới chỉ tự nguyện nộp 30.000.000 để khắc phục một phần hậu quả cho bị cáo theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã chiếu cố áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhẹ hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo T. Do vậy, sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo T tự nguyện nộp thêm 5000.000 để tiếp tục khắc phục một phần hậu quả cho bị cáo theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, cũng không đủ căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những lý do còn lại các bị cáo đưa ra tại phiên tòa phúc thẩm để xin giảm nhẹ hình phạt đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét hoặc không đủ căn cứ để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc phẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quốc T và bị cáo Lê Văn H, giữ nguyên quyết định về tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

Ý kiến quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo H không phù hợp với đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[5] Tiếp tục quản lý số tiền 5000.000đ (năm triệu đồng) do gia đình bị cáo Lê Quốc T giao nộp (do bà Nguyễn Thị Phương D đại diện nộp) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Bị cáo Lê Quốc T và bị cáo Lê Văn H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quốc T và bị cáo Lê Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 44/2017/HSST ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang:

Tuyên bố các bị cáo Lê Quốc T, Lê Văn H (Ba Mách) phạm tội " *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* ".

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Bị cáo Lê Quốc T 10 (mười) năm tù, thời hạn từ tính từ ngày 13/6/2016;

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 và Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán và Công văn số 276 ngày 13/9/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H (Ba Mách) 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Tiếp tục quản lý số tiền 5000.000đ (năm triệu đồng) do gia đình bị cáo Lê Quốc T giao nộp (do bà Nguyễn Thị Phương D đại diện nộp) theo Biên lai thu tiền số 0002603 ngày 06/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Quốc T và Lê Văn H, mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng).

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số: 44/2017/HSST ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang không có kháng cáo và không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 11 tháng 10 năm 2017./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND An Giang;
- Cục THADS An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh An Giang "để tống đạt cho BC" (2);
- Lưu: VP (3), HS (2), 12b. (ÁN 09)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đỗ Đình Thanh